

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị LTT; ĐKNKTT: Số 33 C116 phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Bị đơn: Anh TTP; nơi cư trú: Số 33 C116 phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị LTT và anh TTP kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận C, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có nhiều bất đồng về quan điểm, về cách sống dẫn đến không có sự tôn trọng lẫn nhau nên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018. Nay, chị LTT cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh TTP theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là D, sinh ngày 02/6/2014 và E, sinh ngày 28/7/2016. Hiện nay các con đang sống cùng anh TTP và bố mẹ đẻ của anh TTP tại nhà số 33 C116, phường A, quận C, Hải Phòng; hàng tháng chị LTT có gửi tiền về cho ông bà nội để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ly hôn, chị LTT yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh TTP vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án để làm việc, nhưng anh TTP đều vắng mặt không có lý do và không giao nộp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị LTT ly hôn anh TTP. Về con chung: Giao các con D và E cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem

xét, giải quyết. Về án phí: Chị LTT phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh TTP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT kết hôn với anh TTP trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 02 tháng 10 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị LTT và anh TTP là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã được xem xét và tranh tụng công khai tại phiên tòa, thấy rằng: Quá trình chung sống giữa chị LTT và anh TTP có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng đã xảy ra va chạm, xô xát và không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị LTT yêu cầu giải quyết ly hôn, anh TTP vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị LTT và anh TTP đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị LTT yêu cầu ly hôn với anh TTP là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị LTT. Cho chị LTT ly hôn với anh TTP.

[4] Về con chung: Chị LTT và anh TTP có 02 con là D, sinh ngày 02/6/2014 và E, sinh ngày 28/7/2016. Ly hôn, chị LTT có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con thành niên. Tại phiên tòa, chị LTT trình bày: Người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con của chị LTT và anh TTP là bố mẹ đẻ của anh TTP. Hàng tháng, chị LTT có gửi tiền về hỗ trợ bố, mẹ chồng nuôi dạy các cháu. Hiện tại, Chị làm nghề lao động tự do, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng và có nơi ở ổn định nên có khả năng nuôi dưỡng các con. Anh TTP vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến gì về việc nuôi

dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con D và E cho chị LTT nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; về việc cấp dưỡng nuôi con, chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong khi đó anh TTP vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con giữa các bên.

[4] Về tài sản chung: Chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị LTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị LTT ly hôn anh TTP.

2. Về con chung: Giao con D, sinh ngày 02/6/2014 và E, sinh ngày 28/7/2016 cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị LTT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008098 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị LTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương

Nguyễn Thị Phin

Đinh Hữu Hường